

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY LỊCH SỬ GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG LỚP 12

GV: Nguyễn Thị Nền

CHỦ ĐỀ 1: DANH NHÂN LỊCH SỬ TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT QUẢNG

Thời gian thực hiện: 5 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

Sau bài học này, HS sẽ:

- Giải thích khái niệm nhân vật lịch sử và nêu những nét chính về vai trò của nhân vật lịch sử.
- Đánh giá được vai trò nhân vật lịch sử tiêu biểu của Đất Quảng đối với quê hương đất nước.
- Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu thân thế, sự nghiệp nhân vật lịch sử tiêu biểu của Đất Quảng.

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập, điều chỉnh cách thức học tập cho phù hợp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi thảo luận, trình bày ý tưởng và kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

*** Năng lực chuyên biệt:**

- Phát triển năng lực tìm hiểu: Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu thân thế, sự nghiệp nhân vật lịch sử tiêu biểu của Đất Quảng
- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy: Giải thích khái niệm nhân vật lịch sử và nêu những nét chính về vai trò của nhân vật lịch sử; Đánh giá được vai trò nhân vật lịch sử tiêu biểu của Đất Quảng đối với quê hương đất nước.

- Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng tư duy hệ thống, tổng hợp, so sánh; phân tích, đánh giá các sự kiện, số liệu dẫn chứng có liên quan

3. Phẩm chất

- Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động của bài học.
- Có tinh thần trách nhiệm và trung thực trong hoạt động của nhóm.
- Giáo dục học sinh có lòng kính trọng, tri ân và học tập gương sáng nhân vật lịch sử Đất Quảng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Tài liệu GDP thành phố Đà Nẵng 12
- Máy tính, máy chiếu.
- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài,

2. Đối với học sinh

- Tài liệu GDP thành phố Đà Nẵng 12
- Đọc trước bài học trong SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kích thích nhu cầu tìm hiểu nội dung bài mới, tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: Tình huống và phần câu hỏi ở phần mở đầu trong SGK.

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu: Theo sách Đại Nam nhất thống chí do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, ở mục tỉnh Quảng Nam, phần phong tục, có đoạn chép về đất và người xứ Quảng như sau: "Đàn ông thì lo việc cày ruộng trồng dâu, đàn bà chuyên nghề

nuôi tằm dệt vải. Núi sông thanh tú cho nên nhiều người có tư chất thông minh dễ học. Sĩ phu có khí tiết cứng cỏi dám nói, nhưng vì thổ lực không hậu và thể nước chảy gấp, nên tính người hay nóng nảy ít trầm tĩnh, duy có người học vấn uyên thâm mới không bị phong khí ràng buộc...".

1. Đoạn trích trên nhận xét những gì về đất và người xứ Quảng?

2. Dưới triều Nguyễn, "sĩ phu" được hiểu là người như thế nào?

- GV yêu cầu: Kể tên các danh nhân ở đất Quảng mà em biết.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin, thảo luận theo cặp đôi và thực hiện yêu cầu.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi.

1. Nhận xét về đất và người xứ Quảng

- **Đất:** Núi sông đẹp, nhưng đất đai không màu mỡ, thiên nhiên khắc nghiệt.
- **Người:** Chăm chỉ lao động, thông minh, dễ học. Tính cách nóng nảy, ít trầm tĩnh; sĩ phu có khí tiết, dám nói, nhưng chỉ người học vấn sâu mới vượt qua ảnh hưởng của môi trường.

2. "Sĩ phu" dưới triều Nguyễn

- Là tầng lớp trí thức, giỏi Nho học, đại diện cho đạo đức và chính trực.
- Đóng vai trò quan trọng trong quản lý nhà nước, giáo dục và bảo vệ các giá trị văn hóa.

3. Một số danh nhân:

Nguyễn Duy Hiệu

Phan Châu Trinh

Huỳnh Thúc Kháng

Trần Quý Cáp

Thái Phiên

Trần Cao Vân

Võ Chí Công

Nguyễn Văn Trỗi

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Khái niệm và vai trò của danh nhân lịch sử

a. Mục tiêu: Giải thích khái niệm nhân vật lịch sử và nêu những nét chính về vai trò của nhân vật lịch sử.

b. Nội dung: GV cho HS tìm hiểu khái niệm nhân vật lịch sử và nêu những nét chính về vai trò của nhân vật lịch sử

c. Sản phẩm học tập: khái niệm nhân vật lịch sử và nêu những nét chính về vai trò của nhân vật lịch sử

d. Tổ chức hoạt động :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu làm việc cá nhân: Trình bày khái niệm danh nhân lịch sử. Kể tên một số nhân vật lịch sử Đất Quảng.	I: Khái niệm và vai trò của danh nhân lịch sử - Danh nhân lịch sử là những người nổi tiếng, có những cống hiến nổi bật, có tầm ảnh hưởng lớn đến cộng đồng, được xã hội ghi nhận, lưu danh trong lịch sử dân tộc. - Một số danh nhân lịch sử: Đoàn Quý Phi, Nguyễn Dục, Phạm Phú



Phạm Phú Thứ
(1821 - 1882)



Nguyễn Duy Hiệu
(1847 - 1887)



Huỳnh Thúc Kháng
(1876 - 1947)



Trần Quý Cáp
(1870 - 1908)



Nguyễn Thành
(1863 - 1911)



Trần Cao Văn
(1866 - 1916)

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, đọc thông tin SGK, quan sát hình SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả làm việc.
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận:
- GV chuyển sang nội dung mới.

Thứ, Trần Văn Du, Nguyễn Duy Hiệu, Đỗ Đăng Tuyển, Tiểu La (Nguyễn Thành), Trần Cao Văn, Trần Quý Cáp, Lương Thúc Kỳ, Huỳnh Thúc Kháng, Thái Phiên, Phan Khôi, Nguyễn Thị Thứ, Huỳnh Ngọc Huệ, Hồ Nghinh, Hoàng Châu Ký, La Hối, Phan Huỳnh Điểu, Hoàng Tụy, Thuận Yến, Nguyễn Văn Trỗi,...

- Vai trò: nhân vật lịch sử là người giữ vai trò quan trọng. Họ là người khởi xướng, tập hợp lực lượng, tham gia lãnh đạo khởi nghĩa chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập, tự do cho dân tộc. Họ đi đầu trong công cuộc cải cách, đổi mới; góp công lớn làm thay đổi diện mạo quê hương đất nước trên các lĩnh vực chính trị – tư tưởng, kinh tế – xã hội, khoa học – kỹ thuật, văn hoá – nghệ thuật,...

Hoạt động 2: Danh nhân lịch sử tiêu biểu của Đất Quảng

a. Mục tiêu:

– Đánh giá được vai trò nhân vật lịch sử tiêu biểu của Đất Quảng đối với quê hương đất nước.

– Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu thân thế, sự nghiệp nhân vật lịch sử tiêu biểu của Đất Quảng

b. Nội dung: GV cho HS tìm hiểu thân thế, sự nghiệp nhân vật lịch sử tiêu biểu của Đất Quảng

c. Sản phẩm học tập: thân thế, sự nghiệp nhân vật lịch sử tiêu biểu của Đất Quảng

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu làm việc cá nhân: 1. Trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Phạm Phú Thứ. 2. Những trước tác (tác phẩm, công trình) nào của Phạm Phú Thứ đặt nền móng cho các đề nghị cải cách, duy tân cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX ở nước ta?	II. Một số danh nhân tiêu biểu đất Quảng 3. Phạm Phú Thứ (1821 - 1882) - Thân thế và sự nghiệp Phạm Phú Thứ: + Phạm Phú Thứ (1821–1882), tự Giáo Chi, quê ở làng Đông Phú, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Điện Trung, Điện Bàn, Quảng Nam). + Đỗ Tiến sĩ (1843), từng giữ nhiều chức quan quan trọng như Thự thượng thư Bộ Hộ, Cơ mật viện đại thần, Tổng đốc Hải Yên. + Khâm sai đại thần đàm phán với Pháp, đi sứ châu Âu (1863), đề xuất canh tân đất nước.



Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả làm việc.
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.

Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu làm việc cá nhân: Đọc thông tin và cho biết: Trình bày những nét chính về thân thế, sự

+ Tích cực khai hoang, mở cảng Hải Phòng, phát triển ngoại thương.

- Những trước tác đặt nền móng cho cải cách, duy tân

+ **Tây hành nhật kí** và **Tây phù thi thảo**: Mô tả văn minh phương Tây, khuyến nghị cải cách.

+ **Bác vật tân biên**: Giới thiệu khoa học kỹ thuật hiện đại.

+ **Khai môi yếu pháp, Hàng hải kim châm**: Hướng dẫn khai mỏ và giao thương.

- Đóng góp: Phạm Phú Thứ đặt nền tảng tư tưởng cải cách, truyền cảm hứng cho các phong trào duy tân cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, tiêu biểu như Duy Tân và Đông Du.

4. Hoàng Diệu (1828 – 1882)

- **Thân thế**:

+ Tên thật là Hoàng Kim Tích, sau

ng nghiệp của Hoàng Diệu.



Hình 1.4. Tượng đồng Hoàng Diệu tại nhà thờ do Viện Sử học Việt Nam đúc



Hình 1.5. Mộ Hoàng Diệu ở làng Xuân Đài, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả làm việc.
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ

đổi thành Hoàng Diệu, tự Quang Viễn, hiệu Tĩnh Trai.

+ Quê ở làng Xuân Đài, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).

+ Xuất thân trong gia đình Nho học, nổi tiếng văn tài.

- Sự nghiệp:

+ Năm 1853, đỗ Phó bảng, được bổ nhiệm nhiều chức vụ như Hàn lâm kiểm thảo, Tri phủ Lạng Giang, Đa Phúc, Án sát Nam Định, Bố chính Bắc Ninh.

+ Năm 1880, được bổ nhiệm Tổng đốc Hà Ninh, cai quản thành Hà Nội, tỉnh Hà Nam và Ninh Bình.

+ Dâng sớ trình vua về việc sửa sang biên phòng, đề phòng quân Pháp xâm lược.

- Cái chết bi hùng:

+ Ngày 25/4/1882, khi quân Pháp tấn công thành Hà Nội, Hoàng Diệu chỉ huy quân sĩ chống trả quyết liệt.

+ Thành thất thủ do kho thuốc súng bị cháy, ông bái vọng triều đình, để

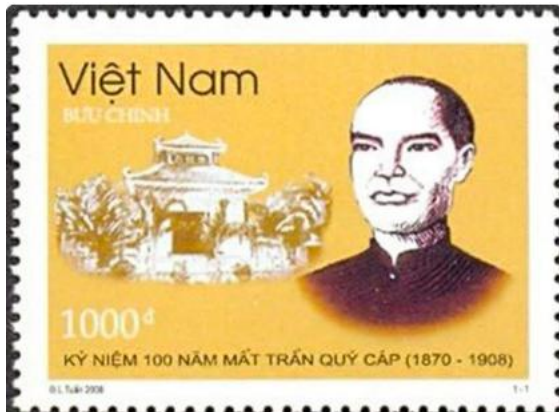
sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.	lại di biểu thống thiết rồi tuần tiết tại Võ Miếu. - Ghi nhận: + Cái chết bi hùng của ông được đại thần Tôn Thất Thuyết viết lời viếng ca ngợi. + Tên ông được đặt cho nhiều con đường và trường học ở Việt Nam để tôn vinh lòng trung nghĩa.
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV làm việc theo cặp đôi và trả lời câu hỏi: Trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Ông Ích Khiêm và nêu ấn tượng sâu sắc nhất về nhân vật lịch sử này. Hình 1.6. Di chúc của Ông Ích Khiêm Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.	5. Ông Ích Khiêm (1829 – 1884) - Thân thế: + Tự Mục Chi, sinh tại làng Phong Lệ, tổng Thanh Quýt, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). + Xuất thân trong gia đình Nho giáo, nổi tiếng thông minh từ nhỏ. + Năm 1847, đỗ cử nhân, được bổ làm việc ở nội các, sau chuyển làm tri huyện Kim Thành (Hải Dương). - Sự nghiệp: + Là người tài kiêm văn võ, nổi bật với nhiều chiến công chống giặc và dẹp phi: Đánh giặc biển ở Quảng Yên (1862), thu phục thành phủ Hải Ninh (1865).

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả làm việc. - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.	• Tiều phi ở Lạng Sơn, Cao Bằng; phá tan 30 đồn giặc ở Thất Khê (1868). • Giải vây Bắc Ninh, dẹp giặc ở Lục Ngạn, Đông Triều và Hưng Hóa (1869–1872). + Được thăng nhiều chức vụ quan trọng: Thị độc sung tán tương quân vụ, Hồng lô tự khanh biện lý bộ Lễ. Đề xuất các chính sách cải cách: khai mỏ, đúc tiền, lập trường diễn võ, vận động dân đắp đập tưới tiêu, phát triển dân sinh ở Quảng Nam. - Cuối đời và cái chết: + Năm 1883, bị vua khiển trách sau thất bại trong việc trấn giữ cửa biển Thuận An, đổi sang chức Biện lý bộ Lễ. + Thăng thấn phê phán quan lại triều đình, bị phao tin sai sự thật, cách chức và an trí ở Bình Thuận. + Mất trong ngục năm 1884. Được truy phục hàm Hàn lâm viện thị độc học sĩ dưới triều vua Hàm Nghi. - Được nhân dân gọi là “Quan Tiều Phong Lệ” để tôn vinh lòng tài năng và đức độ. - Tên ông được đặt cho nhiều trường
--	--

	học và đường phố tại Đà Nẵng.
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi: Trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Trần Cao Vân.  Hình 1.8. Trần Cao Vân (1866 - 1916) Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận, quan sát SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả làm việc. - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ	7. Trần Cao Vân (1866 – 1916) - Thân thế: + Tên thật là Trần Cao Đệ, pháp danh Như Y, hiệu Hồng Việt, Chánh Minh, Bạch Sĩ. + Quê ở làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). + Thuở nhỏ thông minh, hiếu học, nhưng mắc bệnh khi đi thi năm 1882 nên không thể tiếp tục con đường khoa cử. - Sự nghiệp cứu nước: * Giai đoạn đầu: + Năm 1886, sống ở chùa Cỏ Lâm (Đại Lộc), mở trường dạy học, chiêu tập lực lượng yêu nước. + Năm 1892, hoạt động ở Bình Định, Phú Yên, kết giao với Võ Trứ và những người yêu nước. + Năm 1898, làm cố vấn cho cuộc khởi nghĩa Võ Trứ, bị bắt giam nhưng được tha nhờ Võ Trứ nhận tội.

học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.	* Bị giam giữ: + Năm 1900, bị bắt ở Bình Định vì vụ án "Trung thiên dịch", kết tội "Yêu thơ yêu ngôn" và giam tại Quảng Nam. + Năm 1907 được trả tự do, nhưng lại bị bắt năm 1908 vì Phong trào Duy Tân và bị đày ra Côn Đảo đến năm 1914. * Khởi nghĩa chống Pháp: + Năm 1915, liên lạc và phối hợp với các nhà yêu nước ở Trung Kỳ. + Năm 1916, cùng Thái Phiên và vua Duy Tân tổ chức kế hoạch khởi nghĩa chống Pháp. Cuộc khởi nghĩa tháng 5-1916 thất bại, ông bị bắt và kết án tử hình. - Ngày 17-5-1916, ông bị xử chém tại pháp trường An Hòa (gần kinh thành Huế) cùng Thái Phiên, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu. - Tên ông được đặt cho đường phố và trường học, như Trường Tiểu học Trần Cao Vân ở quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	8. Trần Quý Cáp (1870 – 1908)

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi:
Trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Trần Quý Cáp.



Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả làm việc.
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.

- Thân thế:

- + Tên thật là Trần Nghị, tự là Dã Hàng, Thích Phu, hiệu Thai Xuyên.
- + Quê tại thôn Thai La, làng Bất Nhị (nay thuộc xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).
- + Ông nổi tiếng thông minh, học giỏi, nhưng thi Hương nhiều lần chỉ đỗ tú tài. Năm 1904, ông đỗ kì thi Hội và thi Đình, được công nhận là một trong những trí thức xuất sắc của xứ Quảng.

- Sự nghiệp:

+ Giai đoạn hoạt động duy tân:

- Thời gian học ở Huế, ông trở thành bạn thân của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, hình thành bộ ba duy tân nổi tiếng.
- Ông tích cực vận động cải cách trên nhiều lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục.
- Năm 1905, cùng Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng thực hiện chuyến "Nam du" để tìm hiểu tình hình thực tế, qua đó viết các bài thơ, phú phê phán chế độ phong kiến, thực dân và thức tỉnh sĩ phu yêu nước.

+ Hoạt động giáo dục:

	- Năm 1906, ông được bổ nhiệm làm giáo thọ tại phủ Thăng Bình (Quảng Nam), chủ trương dạy chữ Tây và chữ Quốc ngữ, tạo ảnh hưởng lớn tại các trường trong tỉnh. - Chính quyền thực dân và Nam triều chuyển ông vào Ninh Hòa (Khánh Hòa) để ngăn chặn các hoạt động duy tân. + Hy sinh vì tổ quốc: - Năm 1908, khi Phong trào kháng thuế lan rộng tại Quảng Nam, ông bị bắt tại Ninh Hòa với cáo buộc "đại phản nghịch". - Ngày 15-6-1908, ông bị hành hình tại bãi Sông Cạn (Ninh Hòa) theo lệnh của chính quyền thực dân và Nam triều. - Di sản: + Dù mất đi, tư tưởng và hoạt động của ông đã góp phần sâu sắc vào nhận thức chính trị của người dân Việt Nam, thúc đẩy sự phát triển của phong trào yêu nước. + Tên ông được đặt cho đường phố và trường học, như Trường Trung học cơ sở Trần Quý Cáp ở phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	9. Phan Châu Trinh (1872 – 1926)

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

1. Trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Phan Châu Trinh.
2. Tìm hiểu và tóm tắt ngắn gọn tư tưởng “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” và “Chi bằng học” của Phan Châu Trinh.



Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả làm việc.
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm

*** Thân thế:**

- Phan Châu Trinh, tự là Hy Mã, hiệu Tây Hồ, quê làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn Tây Hồ, xã Tam Lộc, thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam).

- Năm 1900, ông đỗ cử nhân; năm 1901, đỗ phó bảng và được bổ làm Thừa biện Bộ Lễ.

- Chịu ảnh hưởng tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản, Phan Châu Trinh từ bỏ quan trường và liên kết với Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp để đề xướng Phong trào Duy tân, thúc đẩy cải cách giáo dục và xã hội.

*** Sự nghiệp:**

- **Phong trào Duy tân:** Phan Châu Trinh là một trong những người tiên phong trong phong trào Duy tân, với mục tiêu cải cách sâu rộng trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, xã hội.

- **Gặp gỡ Phan Bội Châu:** Năm 1905-1906, Phan Châu Trinh sang

được đề đúc kết thành kiến thức của bài học Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.	Trung Quốc và Nhật Bản gặp Phan Bội Châu để thảo luận về việc phối hợp trong phong trào yêu nước. - Kháng chiến chống thực dân Pháp: Về nước, ông viết thư gửi Toàn quyền Đông Dương tố cáo chính sách áp bức của thực dân Pháp. - Hoạt động tại Đông Kinh Nghĩa Thục: Năm 1907, ông diễn thuyết tại Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội, kêu gọi cải cách giáo dục và xã hội. - Bị bắt và đày Côn Đảo: Năm 1908, trong phong trào kháng thuế, ông bị bắt và đày ra Côn Đảo. Được thả tự do vào cuối năm 1911 sau sự can thiệp của Hội Nhân quyền Pháp. - Hoạt động tại Pháp: Tại Pháp, ông tiếp tục đấu tranh đòi chính quyền Pháp thực hiện cải cách, tôn trọng dân quyền. - Tác phẩm và tư tưởng: Phan Châu Trinh viết nhiều tác phẩm quan trọng và nổi bật với tư tưởng "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" và "Chi bằng học". Ông qua đời vào
--	--

	ngày 24 tháng 3 năm 1926, để lại di sản lớn trong phong trào yêu nước và cải cách xã hội. * Tư tưởng "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" và "Chi bằng học": - Khai dân trí: Đề cao việc nâng cao trình độ hiểu biết của nhân dân qua giáo dục, coi đó là nền tảng để xây dựng một xã hội tự do, dân chủ. - Chấn dân khí: Cổ vũ tinh thần yêu nước, tự lực cánh sinh, khôi phục niềm tin và lòng tự hào dân tộc. - Hậu dân sinh: Chú trọng đến việc cải thiện đời sống vật chất của nhân dân, bảo vệ quyền lợi và phúc lợi xã hội. - Chi bằng học: Quan niệm rằng "học" là con đường duy nhất để cải thiện đất nước, phát triển trí tuệ, nâng cao năng lực cá nhân và cộng đồng, là chìa khóa để giải quyết các vấn đề xã hội.
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đọc thông tin và trả lời câu hỏi:	11. Huỳnh Thúc Kháng (1876 – 1947) * Thân thế:

1. Trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Huỳnh Thúc Kháng.

2. Sưu tầm tư liệu về báo Tiếng Dân do Huỳnh Thúc Kháng làm chủ nhiệm kiêm chủ bút.



Hình 1.12. Huỳnh Thúc Kháng (1876 – 1947) và nhà lưu niệm của Huỳnh Thúc Kháng

Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả làm việc.
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.

- Tên thật là Huỳnh Sanh, tự Giới Sanh, hiệu Minh Viên, quê ở làng Thạnh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam).

- Sinh ra trong gia đình nông dân nghèo.

- Sự nghiệp:

+ **Giáo dục và thi cử:** Năm 1904, đỗ tiến sĩ nhưng không ra làm quan.

+ **Phong trào Duy tân:** Cùng Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp, ông tích cực cổ động Phong trào Duy tân ở Trung Kỳ đầu thế kỷ XX.

- Tù đày và hoạt động nghị trường:

+ Năm 1908, bị thực dân Pháp bắt và kết án tù chung thân, đày ra Côn Đảo vì liên quan đến phong trào kháng thuế.

+ Năm 1921, được trả tự do.

+ Năm 1926, đắc cử nghị viên Viện Dân biểu Trung Kỳ, giữ chức Viện trưởng, đấu tranh công khai với thực

dân Pháp.

+ Từ chức Viện trưởng năm 1928 để phản đối Khâm sứ Trung Kỳ.

- **Hoạt động báo chí:** Là chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Tiếng Dân* (1927–1943), truyền bá tư tưởng tiến bộ, chống thực dân, phong kiến, và bảo vệ quyền lợi nhân dân.

- **Tham gia Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:**

+ Năm 1945, từ chối hợp tác với chính quyền Nhật sau sự kiện Nhật đảo chính Pháp.

+ Năm 1946, nhận lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh tham gia Chính phủ liên hiệp kháng chiến, giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Chủ tịch Hội Liên Việt.

+ Tháng 6/1946, giữ Quyền Chủ tịch nước khi Chủ tịch Hồ Chí Minh công du Pháp.

- Năm 1947, qua đời tại Quảng Ngãi khi đang đi công tác.

- **Tác phẩm:** Để lại nhiều tác phẩm giá trị như *Thi tù tùng thoại*, *Thi văn với thời đại*, *Phan Tây Hồ lịch sử*,

	<i>Trung Kỳ cự sư kị</i>, cùng nhiều thơ chữ Hán, chữ Nôm, chính luận, tạp văn. - Vinh danh: + Được đặt tên đường ở quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. + Trên địa bàn phường Hòa Khê, quận Thanh Khê có Trường Trung học cơ sở Huỳnh Thúc Kháng.
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, đọc thông tin và trả lời câu hỏi: 1. Trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Thái Phiên. 2. Đánh giá vai trò của Thái Phiên trong cuộc khởi nghĩa tháng 5 – 1916. Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.	13. Thái Phiên (1882 – 1916) * Thân thế: - Tên thật là Thái Phiên, hiệu Cô Đà, Nam Thạnh, Nam Xương, Hoàng Anh. - Quê ở làng Nghi An, tổng Phước Tường, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam, nay là phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. - Thời niên thiếu, học chữ Hán, sau theo Tây học. * Sự nghiệp: - Tham gia Phong trào Duy tân: + Từ năm 1904, ông gia nhập Duy tân hội, trở thành một trong 20 yếu nhân từ ngày đầu thành lập. + Đảm nhận nhiệm vụ kinh tài cho

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả làm việc. - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.	Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu (1905 – 1908). + Tích cực xây dựng cơ sở cách mạng ở Trung Kỳ (1909 – 1910). - Hoạt động trong Việt Nam Quang phục hội: Năm 1912, khi Việt Nam Quang phục hội thành lập, ông tập hợp những người yêu nước tại Trung Kỳ và phát triển tổ chức mạnh mẽ ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Thừa Thiên Huế. - Lãnh đạo và chuẩn bị khởi nghĩa (1914 – 1916): + Thái Phiên được xem là “kiến trúc sư trưởng” của phong trào yêu nước ở Trung Kỳ. + Chủ trì các hội nghị tại Đà Nẵng, Huế để chuẩn bị khởi nghĩa chống Pháp. + Đề ra kế hoạch khởi nghĩa với việc xây dựng lực lượng, định quốc hiệu, quốc kỳ, soạn hịch và tuyên ngôn. + Mời vua Duy Tân lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. - Kết quả:
--	---

+ Cuộc khởi nghĩa dự kiến bắt đầu vào đêm 3, rạng sáng 4 tháng 5 năm 1916, nhưng bị bại lộ trước khi thực hiện.

+ Thái Phiên, Trần Cao Vân, và vua Duy Tân bị bắt.

+ Ngày 17-5-1916, Thái Phiên cùng các đồng chí bị xử chém tại pháp trường An Hòa, Huế.

- Vinh danh:

+ Thành phố Đà Nẵng từng được gọi là “Thành Thái Phiên” sau Cách mạng tháng Tám 1945.

+ Tên ông được đặt cho đường phố ở quận Hải Châu và Trường THPT Thái Phiên tại quận Thanh Khê, Đà Nẵng.

* Vai trò của Thái Phiên trong cuộc khởi nghĩa tháng 5 – 1916

- Nhà lãnh đạo chiến lược:

+ Ông là người tổ chức, xây dựng lực lượng và đề ra các quyết sách quan trọng như chọn vua Duy Tân làm biểu tượng lãnh đạo, định quốc hiệu, quốc kỳ, và các kế hoạch khởi nghĩa.

+ Với vai trò “kiến trúc sư trưởng”, ông đảm bảo sự thống nhất và sức mạnh của phong trào yêu nước ở Trung Kỳ.

- Khả năng tập hợp và liên kết:

+ Ông quy tụ các sĩ phu yêu nước, xây dựng tổ chức Việt Nam Quang phục hội vững mạnh tại Trung Kỳ.

+ Thái Phiên không chỉ làm việc với các đồng chí trong nước mà còn liên kết với các phong trào cách mạng quốc tế, tạo nên sự gắn kết sâu rộng.

- Biểu tượng tinh thần yêu nước:

+ Dù bị thất bại và hy sinh, tinh thần quyết tâm và sự khảng khái của ông để lại tấm gương sáng cho các thế hệ yêu nước.

+ Ông thể hiện lòng yêu nước sâu sắc qua câu nói: “*Quốc sĩ ngô thân sĩ, Quốc nhục ngô thân nhục*”.

- Nguyên nhân thất bại: Cuộc khởi nghĩa tuy được chuẩn bị kỹ lưỡng nhưng do sự phản bội và bại lộ kế hoạch, thực dân Pháp đã đàn áp dã man, dẫn đến thất bại.

Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi:
Trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Võ Chí Công.



Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả làm việc.
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.

20. Võ Chí Công (1912 – 2011)

- Thân thế và xuất thân:

+ Võ Chí Công (tên thật là Võ Toàn) sinh năm 1912 tại xã Tam Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
+ Ông tham gia cách mạng từ rất sớm và là một trong những nhà lãnh đạo xuất sắc của cách mạng Việt Nam.

- Hoạt động cách mạng thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám:

+ Năm 1935, gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương.
+ Từ năm 1936–1940, giữ các chức vụ Bí thư Chi bộ Đảng, Bí thư Huyện ủy, Bí thư lâm thời Ban Chấp hành Tỉnh Đảng bộ Quảng Nam.
+ Năm 1940–1942, phụ trách xây dựng cơ sở cách mạng ở các tỉnh Nam Trung Bộ, sau đó bị thực dân Pháp bắt giam tại Buôn Ma Thuột.
+ Tháng 3-1945, sau khi ra tù, ông tích cực tham gia chuẩn bị khởi nghĩa và giữ vai trò Trưởng ban khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Nam – Đà Nẵng trong Cách mạng

Tháng Tám năm 1945.

- Giai đoạn kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ:

+ Năm 1952, làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam.

+ Năm 1954, ra Bắc tham gia cải cách ruộng đất tại Việt Bắc.

+ Giai đoạn 1955–1960, hoạt động bí mật ở Khu V, giữ chức Phó Bí thư Khu ủy.

+ Từ năm 1960–1975, ông là Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Bí thư Khu ủy Khu V, và Chính ủy Quân khu V.

- Những đóng góp nổi bật trong cuộc kháng chiến:

+ Là nhà lãnh đạo thực tiễn xuất sắc, ông đưa ra những quyết định táo bạo, tiêu biểu là việc ủng hộ cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (Quảng Ngãi) năm 1959.

+ Sau chiến thắng Buôn Ma Thuật (tháng 3-1975), ông đề xuất kịp thời mở chiến dịch đánh vào Đà Nẵng, góp phần vào thắng lợi trọn vẹn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

- Giai đoạn sau ngày thống nhất đất nước:

- + Từ năm 1976–1977, làm Bộ trưởng Bộ Thủy sản.
- + Năm 1977–1979, giữ chức Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, Trưởng ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam.
- + Giai đoạn 1976–1986, là Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.
- + Từ năm 1987–1992, đảm nhận vai trò Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.

- Những đóng góp trong thời kỳ đổi mới:

- + Là người tiên phong đưa ra các quyết sách quan trọng, nổi bật là Chỉ thị 100 và Nghị quyết 10, tạo đột phá trong quản lý nông nghiệp, giải phóng sức sản xuất, và mở rộng công cuộc đổi mới trên toàn nền kinh tế.
- + Trên cương vị Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, ông tập hợp ý kiến nhân dân, thúc đẩy việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992, đóng góp quan trọng cho quá trình đổi mới đất nước.
- Võ Chí Công là Ủy viên Ban Chấp

	hành Trung ương Đảng các khóa III, IV, V; Ủy viên Bộ Chính trị các khóa IV, V, VI; Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1991–1997). - Tên ông được đặt cho các con đường tại quận Cẩm Lệ và Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, cùng với Trường Trung học Phổ thông Võ Chí Công ở quận Ngũ Hành Sơn.
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi: Trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Hồ Nghinh. Nêu những đóng góp cụ thể của Hồ Nghinh trong lĩnh vực lịch sử, văn hoá.	21. Hồ Nghinh (1913 – 2007) - Thân thế và xuất thân: + Hồ Nghinh (tên thật là Hồ Hữu Phước, còn gọi là Ba Phước) sinh ra tại làng Thi Lai, phủ Duy Xuyên, nay là thôn Phú Bông, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. + Ông xuất thân trong một gia đình nhà nho có truyền thống hiếu học và yêu nước, sớm được hun đúc tinh thần cách mạng. - Hoạt động cách mạng: + Hồ Nghinh tham gia cách mạng trong cả hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. + Giai đoạn 1962–1972, ông giữ



Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, quan sát SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả làm việc.
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.

nhiều trọng trách quan trọng:

- + Bí thư Tỉnh ủy Quảng Đà.
- + Ủy viên Thường vụ Khu ủy V.
- + Ủy viên Chủ tịch đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (Đại hội Mặt trận lần thứ nhất, tháng 2/1962).

- Giai đoạn sau ngày giải phóng:

- + Sau năm 1975, ông giữ chức Chủ tịch Ủy ban Quân quản thành phố Đà Nẵng và Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam – Đà Nẵng.
- + Ông gắn bó với cương vị Bí thư Tỉnh ủy gần 19 năm liên tục (1963–1982), tạo dấu ấn quan trọng trong phát triển kinh tế, văn hóa, và xã hội của tỉnh.
- **Tham gia lãnh đạo cấp Trung ương:**
 - + Hồ Nghinh được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội Đảng lần thứ IV và Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội Đảng lần thứ V.
 - + Năm 1982, ông được cử làm Phó ban Kinh tế Trung ương.

- Những đóng góp cụ thể trong lĩnh vực lịch sử và văn hóa
- + Hồ Nghinh có tầm nhìn sâu rộng, nhiệt tâm bảo vệ và phát huy giá trị của các di sản lịch sử và văn hóa quan trọng trên đất Quảng Nam – Đà Nẵng:
- + Thúc đẩy việc bảo tồn các giá trị truyền thống, kết hợp với việc phát triển văn hóa hiện đại, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng.
- Đóng góp trong các lĩnh vực khác
- + Ông không rập khuôn, máy móc trong cải tạo công thương nghiệp mà đề xuất các biện pháp phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.
- + Thành công trong việc thuyết phục lãnh đạo xây dựng công trình thủy lợi hồ Phú Ninh, biến 25.000 ha đất cằn cỗi ở phía Nam Quảng Nam thành cánh đồng lúa xanh tươi hai vụ, cải thiện đáng kể đời sống kinh tế và dân sinh.
- + Hồ Nghinh tập trung xây dựng một chính quyền vững mạnh sau giải

	phóng, củng cố lòng tin của nhân dân vào chế độ mới.
Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi: Trình bày những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Lê Độ.  Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận, quan sát SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả làm việc. - GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập	24. Lê Độ (1942 – 1965) * Thân thế: + Tên thật: Lê Độ. + Quê quán: Làng Mỹ Thị, nay thuộc phường Bắc Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. + Gia đình: Xuất thân trong gia đình yêu nước. Cha là Lê Duy Ban, một chiến sĩ kháng chiến chống Pháp. Gia đình có bốn anh em tham gia cách mạng, tất cả đều hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. - Tham gia cách mạng: + Năm 15 tuổi: Gia nhập cơ sở Sông Đà với vai trò liên lạc viên. + Đầu năm 1963: Tham gia đơn vị đặc công thuộc đội biệt động thành phố Đà Nẵng. - Hành động anh dũng: + Ngày 5/4/1965: Thực hiện kế hoạch đánh vào lính Mỹ tại Modern Hotel (đường Bạch Đằng, Đà Nẵng). Dùng mìn tự chế trong vỏ máy thu thanh, đặt tại phòng lễ tân khách

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận.	sạn. Bị địch phát hiện và bắt giữ ngay trong khi thực hiện nhiệm vụ. - Ngày 15/4/1965: + Bị đưa ra sân vận động Chi Lăng để hành quyết trước đông đảo đồng bào. + Khi bị trói vào cọc bắn, Lê Độ hô vang các khẩu hiệu + Đồng bào có mặt đấu tranh bảo vệ anh, khiến địch phải đưa anh rời sân vận động và thủ tiêu nơi khác. - Ngày 20/5/1965: Được Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Thành Đồng hạng II. - Năm 1997: Được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân. - Tên của anh được đặt cho một con đường tại quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trường Trung học cơ sở Lê Độ tại phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng mang tên anh
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong bài để giải quyết các vấn đề tình huống, bài tập nhằm khắc sâu kiến thức bài học.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Luyện tập SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Luyện tập SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu hoàn thành các bài tập Luyện tập sau: Lập bảng thống kê các nhân vật lịch sử của Đất Quảng và đóng góp tiêu biểu nhất của họ theo mẫu sau:

TT	Nhân vật lịch sử	Đóng góp tiêu biểu
1		
2		
...		

Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Ai là người đào kênh Thoại Hà, kênh Châu Đốc – Hà Tiên, góp phần khẩn hoang vùng Nam Bộ?

- A. Nguyễn Văn Thoại
- B. Phạm Phú Thứ
- C. Hoàng Diệu
- D. Ông Ích Khiêm

Đáp án: A

Câu 2. Danh nhân nào là tiến sĩ đầu tiên của huyện Hòa Vang (Quảng Nam)?

- A. Phạm Phú Thứ
- B. Đỗ Thúc Tịnh
- C. Huỳnh Bá Chánh

D. Phan Thúc Duyệt

Đáp án: B

Câu 3. “Tây hành nhật ký” là tác phẩm của ai?

A. Phan Châu Trinh

B. Trần Quý Cáp

C. Phạm Phú Thứ

D. Huỳnh Thúc Kháng

Đáp án: C

Câu 4. Tổng đốc Hà Ninh, người tuần tiết khi thành Hà Nội thất thủ năm 1882 là:

A. Ông Ích Khiêm

B. Hoàng Diệu

C. Trần Quý Cáp

D. Thái Phiên

Đáp án: B

Câu 5. Ai được nhân dân tôn là “Ông Nghè Bình Định”, nổi tiếng văn võ song toàn?

A. Huỳnh Thúc Kháng

B. Ông Ích Khiêm

C. Nguyễn Văn Thoại

D. Phan Châu Trinh

Đáp án: B

Câu 6. Câu nói “Thà làm đầu gà, không làm đuôi trâu” gắn với nhân vật nào?

A. Huỳnh Bá Chánh

B. Trần Cao Vân

C. Phan Thúc Duyệt

D. Lê Bá Trinh

Đáp án: A

Câu 7. Ai là lãnh tụ khởi nghĩa Duy Tân năm 1916 cùng với vua Duy Tân và Thái Phiên?

- A. Trần Cao Vân
- B. Trần Quý Cáp
- C. Phan Châu Trinh
- D. Huỳnh Thúc Kháng

Đáp án: A

Câu 8. Người bị xử tử ở Ninh Hòa (Khánh Hòa) năm 1908 là:

- A. Phan Thúc Duyện
- B. Trần Quý Cáp
- C. Lê Bá Trinh
- D. Ông Ích Đường

Đáp án: B

Câu 9. Ai là tác giả câu khẩu hiệu “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”?

- A. Phan Châu Trinh
- B. Huỳnh Thúc Kháng
- C. Phạm Phú Thứ
- D. Trần Cao Vân

Đáp án: A

Câu 10. Người sáng lập báo *Tiếng Dân* và từng làm Quyền Chủ tịch nước năm 1946 là:

- A. Huỳnh Thúc Kháng
- B. Phan Châu Trinh
- C. Phan Thúc Duyện
- D. Lê Bá Trinh

Đáp án: A

Câu 11. Ai từng bị đày ra Côn Đảo hơn 10 năm sau phong trào Duy Tân?

- A. Phan Thúc Duyện
- B. Huỳnh Thúc Kháng
- C. Lê Bá Trinh
- D. Cả A và B

Đáp án: D

Câu 12. Lãnh tụ Việt Nam Quang phục hội, chỉ huy khởi nghĩa Duy Tân năm 1916 là:

- A. Hoàng Diệu
- B. Thái Phiên
- C. Trần Quý Cáp
- D. Phạm Phú Thứ

Đáp án: B

Câu 13. Ông Ích Đường là cháu của nhân vật nào?

- A. Huỳnh Bá Chánh
- B. Ông Ích Khiêm
- C. Nguyễn Văn Thoại
- D. Trần Cao Vân

Đáp án: B

Câu 14. Ai được vua Tự Đức phong tước Đức Quốc công và xây dựng Lăng Hoàng Gia?

- A. Phạm Đăng Hưng
- B. Phan Thúc Duyện
- C. Huỳnh Bá Chánh
- D. Lê Bá Trinh

Đáp án: A

Câu 15. Người từng làm đại thần triều Nguyễn, đề xuất mở trường kỹ nghệ, khai mỏ, làm đường:

- A. Phạm Phú Thứ
- B. Trần Cao Vân
- C. Trần Quý Cáp
- D. Phan Châu Trinh

Đáp án: A

Câu 16. Khởi nghĩa Duy Tân nổ ra vào năm nào?

- A. 1908
- B. 1916
- C. 1885
- D. 1945

Đáp án: B

Câu 17. Người sáng tác nhiều tác phẩm, khích lệ phong trào Duy Tân, bị xử tử năm 1908 là:

- A. Huỳnh Bá Chánh
- B. Trần Quý Cáp
- C. Trần Cao Vân
- D. Thái Phiên

Đáp án: B

Câu 18. Ai từng giữ chức Bộ trưởng Nội vụ trong Chính phủ Hồ Chí Minh?

- A. Phạm Phú Thứ
- B. Huỳnh Thúc Kháng
- C. Phan Châu Trinh
- D. Nguyễn Văn Thoại

Đáp án: B

Câu 19. Danh nhân nào có công chiêu mộ dân khai khẩn đất hoang ở Nam Bộ, để lại nhiều địa danh mang tên mình?

- A. Nguyễn Văn Thoại
- B. Hoàng Diệu
- C. Phan Thúc Duyện
- D. Ông Ích Khiêm

Đáp án: A

Câu 20. Người đã viết “Tình cảnh dân mất nước”, bày tỏ nỗi đau mất nước và tinh thần duy tân:

- A. Phan Châu Trinh
- B. Trần Quý Cáp
- C. Huỳnh Thúc Kháng
- D. Trần Cao Vân

Đáp án: A

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS trả lời:
- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- GV mở rộng kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng vào bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn cuộc sống, phát huy tính tư duy và khả năng sáng tạo.

b. Nội dung: Bài tập trong phần Vận dụng SGK

c. Sản phẩm học tập: Đáp án bài tập phần Vận dụng SGK

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu:

1. Suy tầm và kể lại vài ba mẫu chuyện về nhân vật lịch sử tiêu biểu của Đất Quảng. Nêu ý nghĩa của câu chuyện kể.

2. Tập hợp dữ liệu để thiết kế video giới thiệu về 3 nhân vật lịch sử Đà Nẵng.

- GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện hoạt động ở nhà:

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau

Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, kết thúc tiết học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập được giao.